

Bản án số:19/2018/DSST

NHÂN DANH

Ngày: 16/11/2018

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

***V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản***

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Tiến

2. Ông Kiều Văn Dậu

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tạ Thị B Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 16/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS, ngày 07/9/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-DS ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách (viết tắt: NHCS).

Địa chỉ: Tòa nhà C, bán đảo L, phường H, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Yên Phong.

Người được ủy quyền lại: Bà Bùi Thị Thanh N, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Yên Phong - Có mặt

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954 - Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 - Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Phong, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/12/2007 Phòng giao dịch NHCS huyện Yên Phong cho hộ ông Nguyễn Văn Q và vợ là Nguyễn Thị B vay vốn thuộc chương trình tín dụng học sinh,

sinh viên cho sinh viên Nguyễn Văn C (là con của ông Q bà B) vay số tiền 8.000.000đ. Thời hạn vay 36 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/11/2010; Lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, tiền lãi vay được trả định kỳ vào ngày 02 hàng tháng.

Ngày 27/10/2008, Phòng giao dịch NHCS Yên Phong tiếp tục cho ông Nguyễn Văn Q và vợ là Nguyễn Thị B vay số tiền 24.000.000đ cho sinh viên Nguyễn văn K đi học. Thời hạn vay đến hết 12/6/2017 phân kỳ trả nợ là 07 năm; Cứ 06 tháng trả 01 lần; Lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, tiền lãi vay được trả định kỳ vào ngày 06 hàng tháng.

Đến hạn trả nợ, hộ ông Q không trả đúng hạn và làm đơn xin gia hạn nợ. Đơn của ông Q được Ngân hàng chấp nhận và gia hạn như sau:

Món vay 8.000.000đ gia hạn nợ 06 tháng đến ngày 06/5/2011. Trong thời gian gia hạn hộ ông Q trả được 2.000.000đ. Số tiền gốc còn nợ lại là 6.000.000đ và tiền lãi. Ngày 06/5/2018 chuyển toàn bộ số tiền gốc sang nợ quá hạn.

Món vay 24.000.000đ gia hạn nợ 12 tháng đến ngày 12/6/2018. Trong thời gian gia hạn hộ ông Q vẫn không chịu trả nợ. Ngày 12/6/2018 chuyển toàn bộ số tiền gốc sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/10/2018 ông Q, bà B đã trả nợ cho NHCS số tiền như sau: Đối với khoản vay 8.000.000đ, đã trả được số tiền gốc là: 2.000.000đ và lãi là: 3.511.367 (tổng cộng: 5.511.367đ); Đối với khoản vay 24.000.000đ chưa trả được tiền gốc, mới trả được 286.700đ tiền lãi.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà B phải trả số nợ tổng cộng cả gốc và lãi của cả hai lần vay tính đến ngày 24/10/2018 là 43.958.457đ. Trong đó tiền gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 13.958.457đ

Bị đơn - Ông Q và người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan là bà B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc thông báo về phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, giấy triệu tập phiên tòa nhưng ông Q, bà B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ông Q, bà B có gửi văn bản có quan điểm và ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch NHCSXH Yên Phong. Nội dung văn bản gửi cho Tòa án của ông Q bà B thể hiện: Ông, bà thừa nhận số tiền vay, thời hạn trả nợ, lãi suất và nội dung khởi kiện của Phòng giao dịch NHCSXH Yên Phong là chính xác. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông, bà xin được lùi thời hạn trả nợ. Đề nghị Tòa không phải xét xử mà để ông và Ngân hàng tiếp tục thỏa thuận sau.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của NHCS giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Q bà B phải trả cả tiền gốc và tiền lãi của hai lần vay tính đến hết ngày 15/11/2018 với số tiền là 44.023.851đ. Trong đó, tiền gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 14.023.851đ

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHCS. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B phải trả cho Phòng giao dịch NHCS Yên Phong số tiền là 44.023.851đ, trong đó, tiền gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 14.023.851đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Vào các ngày 07/12/2007 và ngày 27/10/2008 Phòng giao dịch NHCS Yên Phong đã cho ông Nguyễn Văn Q và vợ là Nguyễn Thị B vay 32.000.000đ tiền vốn tín dụng cho con ông Q, bà B đi học tập. Việc cho vay các bên có lập thành văn bản xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ. Văn bản đã được các bên tự nguyện ký. Tuy nhiên, quá trình thực hiện ông Q, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Phòng giao dịch NHCSXH Yên Phong đã đôn đốc nhiều lần và đã gia hạn trả nợ nhưng ông Q, bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ nên Phòng giao dịch NHCS Yên Phong đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q, bà B phải trả Phòng giao dịch NHCS Yên Phong số tiền vay còn nợ và lãi suất theo quy định. HĐXX xác định đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Yên Phong.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ông Q và bà B đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, ông Q, bà B đã gửi văn bản xác nhận về khoản nợ vay, về yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch NHCSXH huyện Yên Phong nhưng ông Q, bà B lại không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm của ông, bà về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để làm căn cứ cho Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự. Như vậy, ông Q bà B tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là bị đơn trong vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thấy có đủ cơ sở xác nhận ông Q, bà B đã vay và còn nợ số tiền như Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu tính đến ngày xét xử 16/11/2018 là 44.023.851đ. Trong đó, tiền gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 14.023.851đ là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Về án phí: Buộc ông Q, bà B phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 166, 357, 466, 468, 469, 688 BLDS năm 2015; Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 15/11/2018 là 44.023.851đ, trong đó, tiền gốc là 30.000.000đ, tiền lãi là 14.023.851đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Q, bà B không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông Q, bà B phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận của số tiền nợ gốc tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Buộc ông Q, bà B phải chịu 2.201.000đ tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND cùng cấp
- Thi hành án.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

